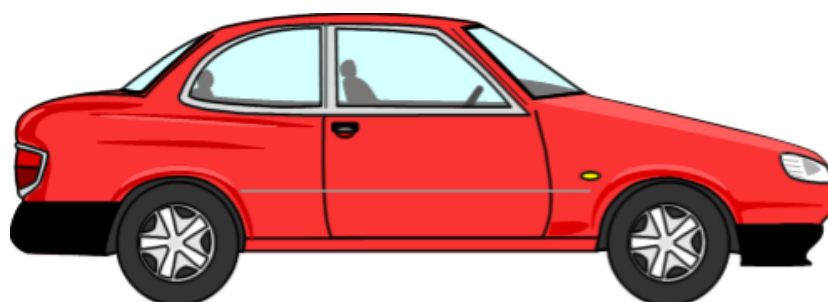


# 第二十一課

## 汽車比自行車快



- to learn the pattern:
- B 比A 快
- C 比B更快
- C最快
- 差不多
- 快(慢、早、晚、長、短、高、矮、
- 大、小、胖、瘦、好看、醜)





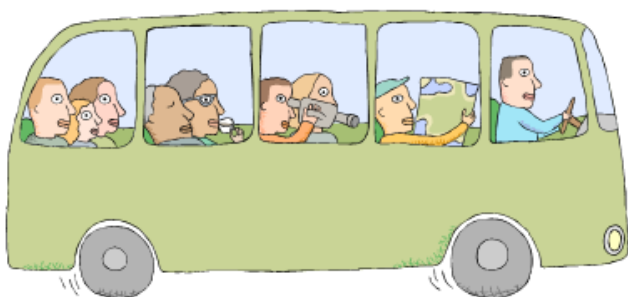
# 校車 比 出租汽車



5

- 快、慢

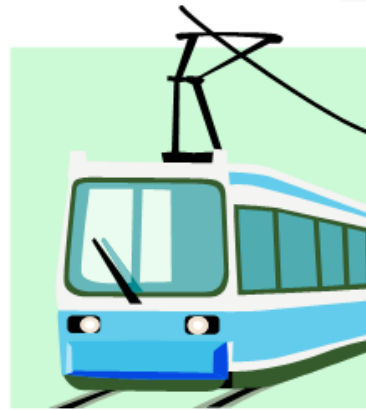
# 火車比公共汽車



# 卡車 比 爸爸的車



# 電車



8

- 快、慢



# 地鐵 比 人力車



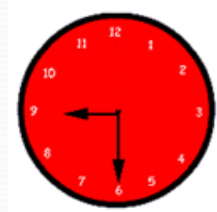
- 三輪車



# 飛機 比 輪船

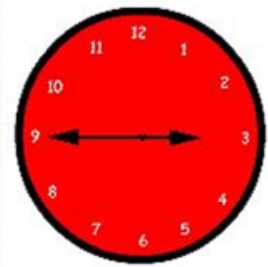


# 早、晚



11

# 早、晚



12

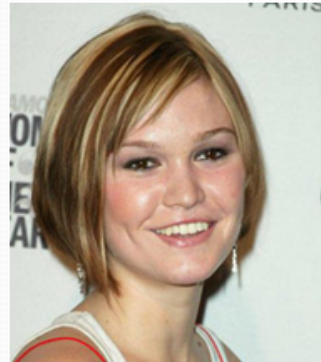
# 早、晚



13

長、短

頭髮  
tóu fǎ



# 長、短



15

長、短

孔子  
kǒng zǐ



演講  
yǎn jiǎng



訓話  
xùn huà

媽媽  
媽媽



布萊爾  
bù lái ěr



# 高、矮



大哥



二姐



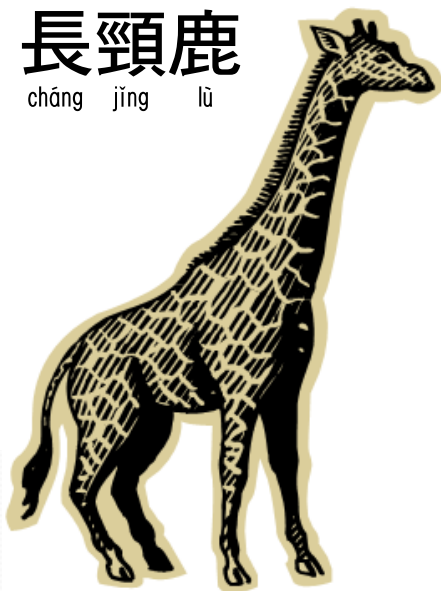
我

17

# 高、矮

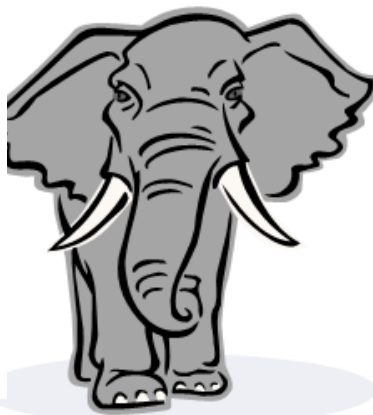
長頸鹿

cháng jǐng lù



大象

dà xiàng



熊貓

xióng māo



臺  
tái

高、矮

北  
běi

101

大  
dà

樓  
lóu



大  
dà

笨  
bèn

鐘  
zhōng

大、小



20

加長禮車

jiā cháng lǐ chē

# 大、小



乒乓球  
pīng pāng qiú



健身球  
jiàn shēn qiú



籃球  
lán qiú



足球  
zú qiú

21

# 大、小



七十歲  
qī shí suì



六十五歲  
liù shí wǔ suì



九歲  
jiǔ suì



十五歲  
shí wǔ suì

# 胖、瘦

pàng

shòu



# 胖、瘦

pàng

shòu

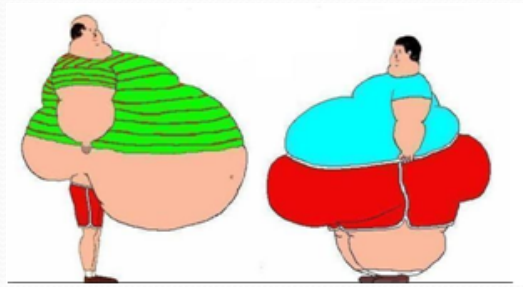




# 胖、瘦

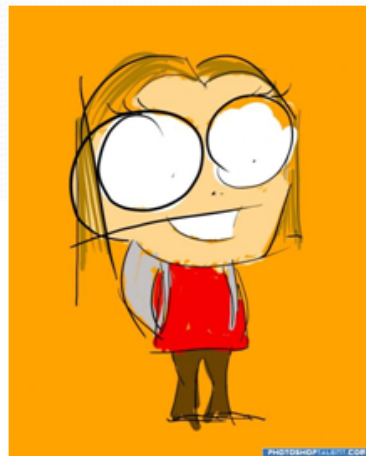
pàng

shòu



# 好看、醜

hǎo kàn chǒu



好看、醜  
hǎo kàn chǒu



睡美人  
shuì měi rén



白雪公主  
bái xuě gōng zhǔ



<sup>27</sup>  
灰姑娘  
huī gū niáng

好看、醜  
hǎo kàn chǒu



Megan Fox



Cheryl Cole



28